

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 405/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 01 tháng 02 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Phân khu I
- Khu dân cư, tái định cư tại xã Lộc An, xã Bình Sơn huyện Long Thành

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về
Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng Đồng Nai tại Tờ trình số
313/TTr-SXD ngày 22/01/2018 và Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây
dựng tỉnh tại Tờ trình số 04/TTr-BQLDAĐT XD-CTN ngày 05/01/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500
Phân khu I - Khu dân cư, tái định cư tại xã Lộc An, xã Bình Sơn, huyện Long
Thành với các nội dung sau:

1. Điều chỉnh một phần đất ở sang chức năng đất hoa viên cây xanh phục
vụ khu ở tại 16 vị trí với diện tích khoảng 22.951,8 m² (gồm 98 lô đất) cụ thể
như sau:

- Lô LK-1 diện tích 16.252m²: Điều chỉnh một phần diện tích đất ở
2.267,7m² sang đất cây xanh, giảm 14 lô (các lô từ số 38 đến 47, và từ số 76
đến 79); diện tích lô LK-1 sau điều chỉnh còn 13.984,3 m².

- Lô LK-2 diện tích 11.237m²: Điều chỉnh một phần diện tích đất ở
1.250m² sang đất cây xanh, giảm 10 lô (các lô từ số 10 đến 20, và từ số 61 đến
65), diện tích lô LK-2 sau điều chỉnh còn 9.987m².

- Lô NV-1 diện tích 10.282m²: Điều chỉnh một phần diện tích đất ở
1.500m² sang đất cây xanh, giảm 06 lô (các lô từ số 08 đến 10, và từ số 27 đến
29), diện tích lô NV-1 sau điều chỉnh còn 8.782m².

- Lô NV-3 diện tích 12.323m²: điều chỉnh một phần diện tích đất ở
2.000m², sang đất cây xanh, giảm 08 lô (các lô từ số 09 đến 12, và từ số 33 đến
36), diện tích lô NV-3 sau điều chỉnh còn 10.323m².



- Lô NV-4 diện tích 12.323m^2 : Điều chỉnh một phần diện tích đất ở 2.000m^2 sang đất cây xanh, giảm 08 lô (các lô từ số 09 đến 12, và từ số 33 đến 36), diện tích lô NV-4 sau điều chỉnh còn 10.323m^2 .

- Lô NV-6 diện tích 10.056m^2 : Điều chỉnh một phần diện tích đất ở 1.500m^2 sang đất cây xanh, giảm 06 lô (các lô từ số 06 đến 08, và từ số 26 đến 28), diện tích lô NV-6 sau điều chỉnh còn 8.556m^2 .

+ Lô NV-7 diện tích 9.182m^2 : Điều chỉnh một phần diện tích đất ở 1.500m^2 sang đất cây xanh, giảm 06 lô (các lô từ số 06 đến 08, và từ số 23 đến 25), diện tích lô NV-7 sau điều chỉnh còn 7.682m^2 .

+ Lô NV-8 diện tích 6.932m^2 : Điều chỉnh một phần diện tích đất ở 1.000m^2 sang đất cây xanh, giảm 04 lô (các lô số 04, 05, 18, 19), diện tích lô NV-8 sau điều chỉnh còn 5.932m^2 .

- Lô NV-9 diện tích 6.932m^2 : Điều chỉnh một phần diện tích đất ở 1.000m^2 sang đất cây xanh, giảm 04 lô (các lô số 04, 05, 18, 19), diện tích lô NV-9 sau điều chỉnh còn 5.932m^2 .

- Lô NV-10 diện tích 6.886m^2 : Điều chỉnh một phần diện tích đất ở 1.000m^2 sang đất cây xanh, giảm 04 lô (các lô số 04, 05, 18, 19), diện tích lô NV-10 sau điều chỉnh còn 5.886m^2 .

- Lô NV-11 diện tích 8.982m^2 : Điều chỉnh một phần diện tích đất ở 1.000m^2 sang đất cây xanh, giảm 04 lô (các lô số 09, 10, 21, 22), diện tích lô NV-11 sau điều chỉnh còn 7.982m^2 .

- Lô NV-13 diện tích 6.932m^2 : Điều chỉnh một phần diện tích đất ở 1.000m^2 sang đất cây xanh, giảm 04 lô (các lô số 04, 05, 18, 19), diện tích lô NV-13 sau điều chỉnh còn 5.932m^2 .

- Lô NV-14 diện tích 13.285m^2 : Điều chỉnh một phần diện tích đất ở $2.934,1\text{m}^2$ sang đất cây xanh, giảm 08 lô (các lô từ số 08 đến 09, và từ số 34 đến 39), diện tích lô NV-14 sau điều chỉnh còn $10.350,9\text{m}^2$.

- Lô NV-15 diện tích 7.082m^2 : Điều chỉnh một phần diện tích đất ở 1.000m^2 sang đất cây xanh, giảm 04 lô (các lô số 04, 05, 18, 19), diện tích lô NV-15 sau điều chỉnh còn 6.082m^2 .

- Lô NV-16 diện tích 7.739m^2 : Điều chỉnh một phần diện tích đất ở 1.000m^2 sang đất cây xanh, giảm 04 lô (các lô số 04, 05, 18, 19), diện tích lô NV-16 sau điều chỉnh còn 6.0739m^2 .

- Lô NV-17 diện tích 8.045m^2 : Điều chỉnh một phần diện tích đất ở 1.000m^2 sang đất cây xanh, giảm 04 lô (các lô số 04, 05, 22, 23), diện tích lô NV-17 sau điều chỉnh còn 7.045m^2 .

Tổng diện tích đất ở toàn phân khu I sau khi điều chỉnh là $291.658,2\text{m}^2$, gồm 665 lô đất (giảm 98 lô), trong đó:

- Nhà liên kế: Diện tích sau điều chỉnh là $23.971,3\text{m}^2$, gồm 191 lô (giảm 24 lô, diện tích $3.517,7\text{m}^2$).

- Nhà vườn: Diện tích sau điều chỉnh là 127.450,9m², gồm 474 lô (giảm 74 lô, diện tích 19.434,1m²).

2. Với các nội dung điều chỉnh trên thì quy mô, chức năng của các ô đất, chỉ tiêu và cơ cấu sử dụng đất của dự án thay đổi như sau:

Stt	Loại đất	Đã duyệt (Quyết định số 3914/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh)		Điều chỉnh		Chênh lệch (m ²)
		Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	
A	Cấp khu ở	576.951	100,00	576.951	100,00	
I	Đất ở	314.610	54,53	291.658,2	50,55	-22.951,8
1	Nhà liên kế	27.489	4,76	23.971,3	4,15	-3.517,7
2	Nhà liên kế vườn	146.885	25,46	127.450,9	22,09	-19.434,1
3	Nhà chung cư	140.236	24,31	140.236	24,31	0
II	Đất công cộng	49.644	8,60	49.644	8,60	0
1	Đất xây dựng công trình giáo dục	41.596	7,21	41.596	7,21	0
2	Đất xây dựng CT thương mại dịch vụ	8.048	1,39	8.048	1,39	0
III	Đất cây xanh - TDTT	85.169	14,77	108.120,8	18,74	+22.951,8
1	Đất cây xanh tập trung	21.200	3,67	44.151,8	7,64	+22.951,8
2	Đất cây xanh cách ly	63.969	11,10	63.969	11,10	0
IV	Đất giao thông	127.528	22,10	127.528	22,10	
B	Cấp khu vực	293.394		293.394		
I	Đất công cộng	69.687		69.687		
1	Đất công trình thương mại dịch vụ	43.217		43.217		
2	Đất công trình tôn giáo, công cộng khác	26.470		26.470		
2.1	Đất bến xe	11.475		11.475		
2.2	Đất trạm xăng	1.225		1.225		
2.3	Đất dự trữ	13.770		13.770		
II	Đất giao thông	223.707		223.707		
Tổng diện tích đất (A+B)		870.345		870.345		

Điều 2. Các nội dung khác không liên quan đến việc điều chỉnh vị trí trên vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 3914/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 (phân khu I) Khu dân cư - tái định cư tại xã Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ nội dung điều chỉnh, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Long Thành, UBND xã Lộc An, UBND xã Bình Sơn, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh có trách nhiệm công bố công khai cho nhân dân và các đơn vị kinh tế xã hội liên quan trên địa bàn, quản lý việc thực hiện xây dựng theo nội dung quy hoạch được điều chỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giao thông Vận tải, Công Thương, Thông tin và Truyền thông, Chủ tịch UBND huyện Long Thành, Chủ tịch UBND xã Lộc An, Chủ tịch UBND xã Bình Sơn, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh, Lãnh đạo các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng (CNN);
- Lưu: VT, ĐT, CNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

